

TRÁCH NHIỆM CỦA TỖ KHEO ĐOÁN SỰ

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Khi vị Tỳ-kheo trì luật cho ai pháp xuất tội, thì họ nói có tội cũng biết, không tội cũng biết; che giấu cũng biết, không che giấu cũng biết; phát lồ cũng biết, không phát lồ cũng biết; nên cho biệt trú cũng biết, không nên cho biệt trú cũng biết; như pháp cho biệt trú cũng biết, không như pháp cho biệt trú cũng biết; như pháp hành Ba-lợi-bà-sa cũng biết, không như pháp hành Ba-lợi-bà-sa cũng biết; nửa chừng có tội cũng biết, nửa chừng không có tội cũng biết; đêm gián đoạn cũng biết, đêm không gián đoạn cũng biết; tùy thuận làm cũng biết, không tùy thuận làm cũng biết; nên cho pháp Ma-na-đỏa cũng biết, không nên cho pháp Ma-na-đỏa cũng biết; cho Ma-na-đỏa đúng pháp cũng biết, cho Ma-na-đỏa không đúng pháp cũng biết; hành Ma-na-đỏa rất ráo cũng biết, hành Ma-na-đỏa không rất ráo cũng biết (); nên cho pháp xuất tội cũng biết, không nên cho pháp xuất tội cũng biết; cho pháp xuất tội đúng pháp cũng biết, cho pháp xuất tội không đúng pháp cũng biết; cùng che giấu cũng biết, không cùng che giấu cũng biết; che giấu vô lượng cũng biết, Tỳ-xá-già-cước cũng biết; hoặc có trường hợp tội hợp mà không phải đêm hợp; hoặc là đêm hợp mà không phải tội hợp; hoặc là tội hợp mà đêm cũng hợp; hoặc là tội không hợp mà đêm cũng không hợp; hoặc tội cũ, tội trung gian. (Đó gọi là Tỳ-kheo trì luật).

(Lại nữa) Tỳ-kheo thành tựu bốn pháp sau đây gọi là người giữ luật. Đó là: Biết có tội, biết không có tội, biết tội nặng, biết tội nhẹ. Đó gọi là bốn pháp.

Lại nữa, thành tựu bốn pháp sau đây gọi là người giữ luật: Biết có tội, biết không có tội, không xem tội nặng thành tội nhẹ, không xem tội nhẹ thành tội nặng. Đó gọi là bốn pháp.

Lại nữa, thành tựu bốn pháp: Biết có tội, biết không có tội, không bảo người không có tội là có tội, không bảo người có tội là không tội. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu bốn pháp: Không xem tội nặng là tội nhẹ, không xem tội nhẹ là tội nặng, không xem người không phạm tội là phạm tội,

không xem người phạm tội là không phạm tội. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu năm pháp sau gọi là người giữ luật: Biết rõ sự tranh chấp, biết rõ nguyên nhân sự tranh chấp, biết rõ cách dập tắt sự tranh chấp, biết rõ cách phân biệt về việc chấm dứt tranh chấp, biết rõ cách dập tắt tranh chấp làm cho ngưng hẳn. Đó gọi là năm pháp.

Lại, thành tựu sáu pháp: tức năm việc trên, thêm việc khéo dập tắt sự tranh chấp đã tích lũy. Đó gọi là sáu pháp.

Lại, thành tựu bảy pháp: Biết có tội, biết không có tội, biết tội nặng, biết tội nhẹ, không đem tội nặng làm tội nhẹ, không đem tội nhẹ làm tội nặng, khéo biết cách làm yết-ma. Đó gọi là bảy pháp.

Lại, thành tựu tám pháp: Tức bảy việc trên, thêm việc biết rõ tình huống nào nên tụng giới đầy đủ hay giản lược. Đó gọi là tám pháp.

Lại, thành tựu chín pháp: Đó là tám việc trên, tăng thêm việc khéo tụng giới, khéo biết nghĩa, không quên, hiểu rõ, khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là chín pháp.

Lại, thành tựu mười pháp: Tức ngoài chín việc trên, thêm việc khéo điều phục các căn, phạm hạnh viên mãn, hiểu sâu pháp yết-ma. Đó gọi là mười pháp.

Lại, thành tựu năm pháp gọi là người giữ luật. Đó là: Trì giới, biết có tội, biết không có tội, biết rõ tình huống nào nên tụng giới đầy đủ hay giản lược, khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là năm pháp.

Lại, thành tựu bốn pháp. Đó là: Trì giới, biết rõ có tội, biết rõ không có tội, biết rõ pháp yết-ma. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu ba pháp: Biết có tội, biết không có tội, biết pháp yết-ma. Đó gọi là ba pháp.

Lại, thành tựu hai pháp. Đó là: Biết có tội, biết không có tội. Đó gọi là hai pháp.

Lại, thành tựu một pháp. Đó là: khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là người giữ luật, cho đến thành tựu mười bốn pháp thì gọi là người giữ luật bậc nhất; ngoại trừ Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri (Thì không ai làm được). Mười bốn pháp đó như sau:

1. Biết có tội.
2. Biết không có tội.
3. Biết tội nặng.
4. Biết tội nhẹ.
5. Biết có che giấu.
6. Biết không che giấu.
7. Biết tội có thể trị.

8. Biết tội không thể trị.
9. Biết đã được thanh tịnh.
10. Biết chưa được thanh tịnh.
11. Được công đức của bốn thiền, hiện được an lạc.
12. Được thiên nhãn, thiên nhĩ và túc mạng thông.
13. Dứt sạch hữu lậu.
14. Được vô lậu (hết cấu uế).

Đó gọi là mười bốn pháp. Người thành tựu mười bốn pháp này là bậc nhất trong tất cả các người giữ luật, ngoại trừ Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Ưu-ba-ly thành tựu mười bốn pháp kể trên, là người giữ luật bậc nhất, có tội cũng biết, không có tội cũng biết, cho đến dứt sạch hữu lậu, đạt được tuệ giải thoát vô lậu.

Có tội cũng biết: Tức biết năm thiên tội: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni.

Ba-la-di: Dâm, trộm, giết người, tự xưng được pháp hơn người.

Tăng-già-bà-thi-sa: Cố ý xuất tinh, xúc chạm người nữ, nói lời ô uế, cho đến làm hoen ố nhà người ở thôn xóm.

Ba-dạ-đề: Gồm ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi hai Ba-dạ-đề thuần túy.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Ở nơi A-luyện-nhã, không bệnh mà nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni, ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni chỉ điểm, khát thực tại nhà học gia.

Việt Tỳ-ni: Gồm mười ba việc như sau:

1. A-già-dữ.
2. Thâu-lan-giá.
3. Xú-thâu-lan.
4. Không làm.
5. Không nói.
6. Đột-cát-la.
7. Ác thanh.
8. Oai nghi.
9. Phi oai nghi.
10. Oai nghi ác.
11. Tà mạng ác.
12. Ác kiến.
13. Tâm sinh hối Tỳ-ni.

1. *A-già-dữ*: Như ngoại đạo Tu-thâm-ma, như Tôn giả Bạt-đà-lợi, như các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá, các trường hợp như thế đều phải đến Phật sám hối. Đó gọi là A-già-dữ.

2. *Thâu-lan-giá*: Lấy trộm dưới năm tiền, đựng vào vật đáng giá năm tiền mà chưa dời khỏi chỗ. Đó gọi là Thâu-lan-giá.

3. *Xú-thâu-lan*: Dùng tâm nhiễm ô đùa giỡn với nam căn. Đó gọi là Xú-thâu-lan.

4. *Không làm*: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo làm việc gì mà đúng pháp thì phải làm; nếu không làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bảo gọi phụ nữ, lấy rượu đến, thì nên nói với Hòa thượng, A-xà-lê: “Con nghe nói trong giới luật (Việc đó) không được làm”. Đó gọi là không làm.

5. *Không nói*: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê cùng gọi, nghe mà không đáp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trong miệng đang ngậm cơm mà giọng nói không thay đổi thì nên đáp. Nếu không thể đáp được, thì nuốt cơm rồi mới đáp. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê hỏi như sau: “Vì sao nghe ta gọi mà không trả lời”, thì nên thưa với Hòa thượng, A-xà-lê: “Trong miệng con đang ngậm cơm, cho nên không đáp được”. Đó gọi là không nói.

6. *Đột-cát-la*: Như Thế Tôn nói với nhóm sáu Tỳ-kheo Ưu-đà-di và các Tỳ-kheo khác: “Làm việc đó không tốt”. Đó gọi là Đột-cát-la.

7. *Ác thanh*: Giả tiếng kêu của voi, tiếng của ngựa, bò, lừa, lạc đà v.v... tất cả tiếng của loài súc sinh như thế; hoặc kéo dài hơi ra rồi kêu dứt đoạn, hoặc kêu gấp rồi kéo dài ra. Đó gọi là ác thanh (Tiếng kêu chối tai).

8. *Oai nghi*: Sáng sớm thức dậy nên rửa dọn sạch nơi đại tiểu tiện, rồi đổ đầy nước tại nơi đại tiểu tiện, lại phải quét tháp, viện, phòng Tăng. Nếu lấy, cho, làm các việc, thậm chí buộc một sợi chỉ mà không bạch với Hòa thượng y chỉ, A-xà-lê thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là oai nghi.

9. *Phi oai nghi*: Như sửa tóc, trang điểm mắt, làm đẹp mặt mày, giũ y, làm cho giải lụa bóng sáng, buộc lưng, hơ bát làm cho sáng bóng, dùng gương soi mặt. Đó gọi là phi oai nghi (Trái oai nghi).

10. *Oai nghi ác*: Thân có oai nghi xấu, miệng có oai nghi xấu, thân miệng có oai nghi xấu; thân tai hại, miệng tai hại, thân miệng tai hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng. Đó gọi là ác oai nghi (Oai nghi xấu).

11. *Tà mạng ác*: Thân quanh co, miệng quanh co, Tâm quanh co, hiện cử chỉ thân ái để hy vọng người ta cúng dường. Đó gọi là ác tà mạng.

12. *Ác kiến*: Tất cả các loại kiến giải như thường, đoạn v.v... , gọi là ác kiến.

13. *Tâm sinh hối Tỳ-ni*: Pháp chúng học oai nghi, tâm niệm ác, không cố ý mà xúc chạm nữ nhân, đạ loại như thế đều gọi là tâm hối. Đó gọi là tâm sinh hối Tỳ-ni.
